

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày 17 tháng 5 năm 2021
“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ T gồm có:

T phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội T nhân dân: Ông Nguyễn Văn Gạt

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tiên – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ T C khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLST-DS ngày 12/10/2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐDS-ST ngày 06/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Thanh D, sinh năm 1984; địa chỉ: H 1, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Hoàng T, sinh năm 1986 và bà Lê Thị H, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: H 1, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NH.

Địa chỉ: 2, pH Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền ông Đoàn Văn T – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Hòa N – NH2 – Chi nhánh huyện Hòa V (theo văn bản ủy quyền số 2965 ngày 27/12/2019, số 09 ngày 05/11/2020); có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại Tòa án, nguyên đơn ông Phan Thanh D trình bày:

Ông D là chủ sử dụng thửa đất số 1350, tờ bản đồ 23, diện tích 89m² tạo lạc tại H 1, xã Hòa N, huyện Hòa V theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 803347 do UBND huyện Hòa V cấp ngày 15/11/2010.

Quá trình sử dụng, vợ chồng ông Đặng Hoàng T, bà Lê Thị H lấn chiếm của ông diện tích 9m² đất, ngang 0,9m, dài 10m.

Theo đơn khởi kiện ông đề nghị Tòa án buộc ông Đặng Hoàng T, bà Lê Thị H trả lại diện tích 9m² đất lấn chiếm nêu trên. Hiện phần diện tích đất đó, vợ chồng bà H, ông T đã xây dựng nhà ở kiên cố, nhưng ông vẫn giữ nguyên ý kiến, buộc bà H và ông T trả lại đất.

Sau khi khởi kiện, tiến hành đo đạc bản đồ, xác định được diện tích đất ông T, bà H lấn chiếm là 5,3m², trên đất lấn chiếm đã xây dựng nhà kín hết đất, với kết cấu loại nhà 3 tầng kiên cố, nguyên khối, không thể tách rời C trình nhà 3 tầng được.

Ông D hoàn toàn thống với kết quả đo đạc bản đồ, biên bản xem xét T định tại chỗ và kết quả định giá tài sản.

Ông đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả đo đạc bản đồ và lấy diện tích đo đạc làm căn cứ xác định diện tích ông T, bà H lấn chiếm là 5,3m². Đề nghị Tòa án buộc ông T, bà H trả lại 5,3m² đất, có tứ cận như sau:

Đông giáp đường bê tông, dài 0,91m.

Tây giáp đất trống, dài 0,19m

Nam giáp đất nhà ông D, dài 9,96m

Bắc giáp nhà ông T và bà H, dài 10,07m.

Trường hợp, bị đơn ông T, bà H thống nhất trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng, tại phiên tòa điều chỉnh còn 80.000.000 đồng, thì ông giao cho ông T, bà H được quyền sử dụng diện tích đất 5,3m²; ông D có trách nhiệm phối hợp với vợ chồng ông T, bà H để thực hiện việc điều chỉnh biến động sang tên 5,3m² đất cho vợ chồng ông T.

Đối với chi phí xem xét T định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc bản đồ là 9.771.000đ (chín triệu, bảy trăm bảy mươi một ngàn đồng), ông D đã nộp, ông đề nghị ông T, bà H phải trả lại cho ông.

Bị đơn:

- Bà Lê Thị H trình bày:

Nguyên thừa đất số 1047, tờ bản đồ 23, diện tích 142,2m² do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 08/6/2013 đứng tên bà với ông Đặng Hoàng T nằm sát thửa đất số 1350, tờ bản đồ 23 của ông D, tọa lạc tại H 1, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng lại của người khác. Khi nhận chuyển nhượng trên đất đã có ngôi nhà cấp bốn xuống cấp, năm 2017 vợ chồng bà đã xây dựng nhà mới trên nền móng nhà cũ nên không biết có lấn chiếm đất của ông D hay không.

Theo khởi kiện, ông D yêu cầu vợ chồng bà trả lại 9m² đất nằm trong thửa đất số 1350, tờ bản đồ 23, vợ chồng bà đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, đo đạc thửa đất của gia Đ bà và đất ông D, nếu có lấn chiếm, thì xác định lấn chiếm bao nhiêu m² đất

của ông D. Nếu có lần chiếm đất ông D, vợ chồng bà đồng ý trả tiền đối với phần đất có lần chiếm của ông D, theo giá thị trường tại thời điểm tranh chấp.

Sau khi tiến hành đo đạc, xác định được diện tích đất vợ chồng bà lần chiếm của ông D là 5,3m². Ông D cũng xác định diện tích đất vợ chồng bà lần chiếm là 5,3m². Vợ chồng bà thống nhất với kết quả đo đạc. Vợ chồng bà H xác định lần chiếm đất của ông D là 5,3m²; do đó, ông D khởi kiện vợ chồng bà là đúng, nên vợ chồng bà chấp nhận. Tuy nhiên, hiện nay do đất vợ chồng bà đã xây dựng nhà kiên cố 3 tầng, kiên cố không thể tháo bỏ được nên vợ chồng bà xin nhận chuyển nhượng lại của ông D 5,3m² đất trên và đồng ý bồi trả với giá trị theo chứng thư T định giá là 44.148.024đ (bốn mươi bốn triệu, một trăm bốn tám ngàn, không trăm hai bốn đồng).

Đối với kết quả chứng thư T định giá, xác định 5,3m² đất có giá trị giá 44.148.024 đồng, giá trị tài sản trên đất là 54.949.726 đồng, vợ chồng bà hoàn toàn thống nhất và đề nghị Tòa án lấy kết quả chứng thư T định giá làm căn cứ giải quyết vụ án. Ông D đề nghị vợ chồng tôi bồi trả 100.000.000 đồng, tại phiên tòa thay đổi ý kiến đòi 80.000.000 đồng là quá cao với thực tế nên vợ chồng bà không chấp nhận ý kiến của ông D.

Đối với các chi phí tố tụng ông D đã nộp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; ngoài ra vợ chồng bà có nộp số tiền 1.771.000 đồng để đo đạc bản đồ, bà không có ý kiến gì.

- Ông Đặng Hoàng T thống nhất với ý kiến của vợ là bà Lê Thị H và không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NH vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền có bản trình bày ý kiến như sau:

Do hiện nay khoản vay của ông Phan Thanh D vẫn còn trong thời hạn và không vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết khoản vay của ông D trong vụ án tranh chấp đất đai này.

Vì điều kiện C việc của Ngân hàng rất bận, không thể tham gia giải quyết vụ án theo yêu cầu của Tòa án được nên kính đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt Ngân hàng trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của T phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo; tại phiên tòa đại diện của NH là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng đã có ý kiến trình bày và xin giải quyết xét xử vắng mặt nên quyền và nghĩa vụ đã được đảm bảo, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 106, 166, 167, 170 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 164, 169, 175

Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh D, cụ thể:

- Giao cho ông Đặng Hoàng T và bà Lê Thị H được quyền sử dụng 5,3m² đất tại thửa số 1350, tờ bản đồ 23 tại H 1, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 803347 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 15/11/2010 đứng tên ông Phan Thanh D, có tứ cận như sau:

Đông giáp đường bê tông, dài 0,91m.

Tây giáp đất trống, dài 0,19m

Nam giáp đất nhà ông D, dài 9,96m

Bắc giáp nhà ông T và bà H, dài 10,07m.

Buộc ông Đặng Hoàng T và bà Lê Thị H phải trả cho ông Phan Thanh D số tiền 44.148.024đ (bốn mươi bốn triệu, một trăm bốn tám ngàn, không trăm hai bốn đồng).

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có T quyền để thực hiện việc điều chỉnh, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

Chi phí tố tụng gồm:

Tổng chi phí T định giá tài sản, xem xét T định tại chỗ và đo đạc bản đồ là 9.771.000đ (chín triệu, bảy trăm bảy mươi một ngàn đồng), ông D đã nộp nên đề nghị Tòa án buộc bị đơn ông T, bà H phải trả lại cho ông D.

Đối với chi phí đo đạc bản đồ, ông T, bà H đã nộp với số tiền 1.771.000 đồng, đã nộp và chi xong nên không xem xét.

Án phí dân sự sơ T buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được T tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Phan Thanh D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với bị đơn ông Đặng Hoàng T, bà Lê Thị H, địa chỉ đất và nơi cư trú của ông ông T, bà H đều tại: H 1, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của ông Phan Thanh D là đúng T quyền được quy định tại Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Phan Thanh D khởi kiện ông T, bà H, yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà H trả lại 5,3m² đất (khi khởi kiện yêu cầu trả lại 9m² đất) lấn chiếm tại thửa số 1350, tờ bản đồ 23, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 803347 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 15/11/2010 đứng tên ông Phan Thanh D, tọa lạc tại H 1, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, có tứ cận như sau:

Đông giáp đường bê tông, dài 0,91m.

Tây giáp đất trống, dài 0,19m

Nam giáp đất nhà ông D, dài 9,96m

Bắc giáp nhà ông T và bà H, dài 10,07m.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh D thì thấy:

Về nguồn gốc diện tích 5,3m² đất tranh chấp nằm trong thửa số 1350, tờ bản đồ 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 803347 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 15/11/2010 tọa lạc tại H 1, xã Hòa N, huyện Hòa Vang là của ông Phan Thanh D, do ông D đứng tên. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Thanh D và bị đơn ông Đặng Hoàng T, bà Lê Thị H đều thống nhất diện tích đất bị đơn lấn chiếm là 5,3m² và thừa nhận đất đó là của ông D, qua xem xét, đo đạc bản đồ và đối chiếu với hồ sơ cho thấy ông T và bà H đã lấn chiếm của ông D 5,3m² đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông D là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông D khởi ông T và bà H đòi lại 5,3m² đất nằm trong thửa số 1350, tờ bản đồ 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 803347 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 15/11/2010; tuy nhiên, đưa ra ý kiến nếu ông T, bà H bồi tH 80.000.000 đồng thì đồng ý chuyển nhượng 5,3m² đất lại cho ông T, bà H; bà H và ông T cũng có nguyện vọng được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 5,3m² và đồng ý bồi trả giá trị bằng tiền, nhưng lại không đồng ý mức ông D yêu cầu mà đề nghị căn cứ chứng thư T định giá để bồi trả.

Xét thấy, hiện nay trên toàn bộ 5,3m² đất ông T, bà H lấn chiếm của ông D; ông T, bà H đã xây dựng nhà kiên cố, với kết cấu nhà 3 tầng thành hình nguyên khối, không thể tách bỏ được. Do đó, không thể buộc ông Đặng Hoàng T và bà Lê Thị H tháo dỡ C trình để trả lại đất cho ông D; hơn nữa, ông D cũng đồng ý giao lại quyền sử dụng 5,3m² cho ông T, bà H với điều kiện phải bồi trả số tiền 80.000.000 đồng, ông T, bà H cũng đồng ý nhận đất và bồi trả tiền với giá đất theo chứng thư T định giá. Xét ý kiến về việc ông D giao quyền sử dụng 5,3m² đất cho ông T, bà H là phù hợp nên Hội đồng xét xử có căn cứ để giao quyền sử dụng 5,3m² nằm trong thửa số 1350, tờ bản đồ 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 803347 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 15/11/2010 cho ông T và bà H.

Đối với mức giá ông D đưa ra của 5,3m² đất, để buộc ông T, bà H bồi trả giá trị là quá cao so với giá đất thị trường hiện tại nên không có căn cứ để buộc bị đơn bồi trả. Theo kết quả của chứng thư T định giá thì 5,3m² đất tại thửa 1350, tờ bản đồ 23 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 803347 do UBND huyện Hòa Vang cấp

ngày 15/11/2010 có giá trị 44.148.024đ (bốn mươi bốn triệu, một trăm bốn tám ngàn, không trăm hai bốn đồng), các bên đương sự thống nhất với kết quả chứng thư T định giá; đây đồng thời cũng là căn cứ để buộc ông T, bà H trả cho ông D nên Hội đồng xét xử căn cứ chứng thư để buộc ông T, bà H thôi trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông D.

Phân đất ông T, bà H được quyền sử dụng có tứ cận như sau.

Đông giáp đường bê tông, dài 0,91m.

Tây giáp đất trống, dài 0,19m

Nam giáp đất nhà ông D, dài 9,96m

Bắc giáp nhà ông T và bà H, dài 10,07m.

Đối với tất cả các tài sản trên đất tranh chấp, các bên đương sự đều xác định của gia Đ ông T, bà H. Do đó, gia Đ ông T, bà H có tất cả các quyền đối với tài sản đó.

Căn cứ các Điều 106, 166, 167 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 164, 169 Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh D.

Các bên đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có T quyền để thực hiện việc điều chỉnh, đăng ký biến động quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

[2.2] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ T, do bị đơn thua kiện nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng:

Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, trưng cầu đo đạc bản đồ và chi phí T định giá là 9.771.000 đ (chín triệu, bảy trăm bảy mươi một ngàn đồng), ông D đã nộp và chi xong nên bị đơn ông Đặng Hoàng T, bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông D.

Đối với chi phí đo đạc bản đồ, ông T, bà H đã nộp với số tiền 1.771.000 đồng, đã nộp và chi xong nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] **Căn cứ:** Điều 106, 166, 167 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 164, 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 157, 161, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] **Tuyên bố:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh D về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với ông Đặng Hoàng T, bà Lê Thị H.

[3] Xử:

[3.1] Giao cho ông Đặng Hoàng T và bà Lê Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 5,3m² nằm trong thửa 1350, tờ bản đồ 23, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 803347 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 15/11/2010 đứng tên ông Phan Thanh D, tọa lạc tại H 1, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, có tứ cận như sau:

Đông giáp đường bê tông, dài 0,91m.

Tây giáp đất trống, dài 0,19m

Nam giáp đất nhà ông Phan Thanh D, dài 9,96m

Bắc giáp nhà ông Đặng Hoàng T và bà Lê Thị H, dài 10,07m.

(Có sơ đồ kèm theo)

[3.2] Buộc ông Đặng Hoàng T và bà Lê Thị H bồi trả cho ông Phan Thanh D số tiền 44.148.024đ (bốn mươi bốn triệu, một trăm bốn tám ngàn, không trăm hai bốn đồng).

[3.3] Ông Đặng Hoàng T và bà Lê Thị H được quyền sở hữu, sử dụng tất cả các tài sản nằm trên 5,3m² tại thửa 1350, tờ bản đồ 23, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 803347 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 15/11/2010.

[3.4] Ông Đặng Hoàng T, bà Lê Thị H và ông Phan Thanh D có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

4. Án phí dân sự sơ T là 2.207.401đ (hai triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm lẻ một đồng) ông T, bà H phải chịu.

Hoàn trả cho ông Phan Thanh D số tiền tạm ứng án phí 1.500.000đ (một triệu, năm trăm ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0000382 ngày 12/10/2020 của Chi cục T hành án dân sự huyện Hoà Vang.

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, trưng cầu đo đạc bản đồ và T định giá tài sản là 9.771.000 đ (chín triệu, bảy trăm bảy mươi một ngàn đồng), ông D dẫn nộp và chi xong. Buộc ông Đặng Hoàng T và bà Lê Thị H phải liên đới trả lại cho ông Phan Thanh D.

6. Kể từ ngày người được T hành án có đơn yêu cầu T hành án mà người phải T hành án không T hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm T hành án tại thời điểm thanh toán.

7. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ T hôm nay, ngày 17/5/2021.

8. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo qui định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền

thoả thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T
T PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoà Vang;
- Chi cục THADS huyện Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

Nguyễn Thế Anh

**SƠ ĐỒ, VỊ TRÍ ĐẤT
KÈM THEO BẢN ÁN SỐ:
10/2021/DS-ST NGÀY 17/5/2021 CỦA TAND HUYỆN HÒA VANG**

Nguyên đơn: Ông Phan Thanh D, sinh năm 1984; địa chỉ: H 1, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: Ông Đặng Hoàng T, sinh năm 1986 và bà Lê Thị H, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: H 1, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T
T phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thế Anh